

HỢP TÁC KINH TẾ VIỆT NAM - CHÂU PHI TRONG KỶ NGUYÊN AfCFTA: TỪ TIỀM NĂNG ĐẾN HIỆU QUẢ THỰC CHẤT

NGUYỄN THÀNH DUY

Vụ Trung Đông - Châu Phi, Bộ Ngoại giao

Department of The Middle East and Africa, Ministry of Foreign Affairs of Viet Nam

Email: nguyenduy3009@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/6/2026

Ngày sửa bài: 25/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 10/7/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích khoảng cách giữa tiềm năng và hiệu quả thực tế của hợp tác kinh tế Việt Nam - châu Phi khi Hiệp định Thương mại tự do Lục địa châu Phi từng bước được thực thi. Nghiên cứu xây dựng khung phân tích kết hợp lợi thế so sánh, kinh tế học thể chế, chi phí giao dịch và chuỗi giá trị; sử dụng phương pháp định tính, thống kê mô tả và đối chiếu nguồn chính thức. Kết quả cho thấy, quan hệ chính trị thuận lợi và thương mại tại một số thị trường đã đạt quy mô đáng kể trong năm 2025, nhưng cơ cấu trao đổi còn tập trung cao vào gạo, cà phê, hạt điều và một số nhóm hàng chế tạo. Đầu tư hai chiều, liên kết sản xuất, tài chính thương mại và hiện diện doanh nghiệp chưa tương xứng. Bài viết đề xuất khung “trung tâm - hành lang - chuỗi giá trị”, gắn lựa chọn thị trường đầu mối với bảo hiểm tín dụng, thanh toán, kho vận, đầu tư chế biến tại chỗ và hệ thống chỉ tiêu đo lường.

Từ khóa: AfCFTA, châu Phi, chuỗi giá trị, hợp tác kinh tế, Việt Nam

Vietnam - Africa economic cooperation in the AfCFTA era: From potential to substantive outcomes

Abstract:

This study examines the gap between the potential and actual performance of Vietnam - Africa economic cooperation amid the implementation of the African Continental Free Trade Area. Combining comparative advantage, institutional economics, transaction-cost theory, and value-chain governance, the study uses qualitative analysis, descriptive statistics, and official data available through May 31, 2026. The findings show that favorable political relations and significant trade flows provide a sound foundation for cooperation. However, bilateral trade remains concentrated in rice, coffee, cashew nuts, and selected manufactured products, while investment, production linkages, trade finance, logistics, and sustained corporate presence remain limited. The study proposes a “hub - corridor - value chain” framework linking gateway markets with export credit insurance, payment infrastructure, logistics, local processing, public - private cooperation, and measurable performance indicators.

Keywords: AfCFTA, Africa, value chains, economic cooperation, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Châu Phi đang chuyển từ vị thế chủ yếu được nhìn nhận như nơi cung ứng tài nguyên và tiếp nhận hỗ trợ phát triển sang một cực tăng trưởng, thị trường tiêu dùng và địa bàn cạnh tranh về chuỗi cung ứng, công nghệ và năng lượng. Năm 2024, dân số châu Phi đã vượt 1,5 tỷ người và được dự báo đạt 2,5 tỷ người vào năm 2050 (United Nations Economic Commission for Africa [UNECA], 2025). AfDB dự báo GDP thực của toàn châu lục tăng 4,2% năm 2026, sau mức 4,4% năm 2025 (African Development Bank [AfDB], 2026). Tuy nhiên, khác biệt lớn về thu nhập, cơ cấu sản xuất, thể chế, tỷ giá và kết nối giữa các tiểu vùng đòi hỏi chiến lược hợp tác theo nhóm thị trường, không coi châu Phi là một chỉnh thể đồng dạng.

AfCFTA làm thay đổi cách các đối tác bên ngoài tiếp cận lục địa. Đến tháng 7/2025, 49 trong số 54 quốc gia ký kết đã phê chuẩn và nộp lưu chiểu văn kiện (African Union, 2025). AfCFTA hướng đến giảm thuế, hài hòa quy tắc và tạo nền tảng cho thị trường chung về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và thương mại số. Dù hiệu quả còn phụ thuộc vào lộ trình thực thi, tiếp cận một thị trường cửa ngõ ngày càng gần với khả năng tham gia mạng lưới phân phối và chuỗi giá trị khu vực.

Đối với Việt Nam, châu Phi vừa giúp đa dạng hóa thị trường, vừa có cơ cấu nhu cầu phù hợp với năng lực cung ứng về lương thực, hàng tiêu dùng, điện tử, máy móc, dịch vụ số và nông nghiệp. Ở chiều ngược lại, châu Phi cung cấp hạt điều, bông, gỗ, dầu thô, kim loại và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Hai bên còn có nền tảng hợp tác Nam - Nam. Tuy nhiên, tiềm năng không tự động chuyển hóa thành hiệu quả. Số liệu chính thức cho thấy trao đổi hàng hóa đã đạt quy mô đáng kể ở một số thị trường, song đầu tư sản xuất, dịch vụ chuyên nghiệp, tài chính thương mại, kho vận, mạng lưới phân phối và liên kết doanh nghiệp vẫn mỏng. Cơ cấu hàng hóa còn tập trung cao vào một số mặt hàng cơ bản, chưa tạo ra hiện diện dài hạn hoặc giá trị gia tăng tại địa bàn.

Bài viết trả lời 3 câu hỏi. Hợp tác đã đạt kết quả nào và có đặc điểm cơ cấu gì? Cơ chế nào giải thích việc tiềm năng chưa chuyển thành đầu tư và liên kết sản xuất bền vững? Việt Nam cần khung chính sách nào trong giai đoạn 2026-2035 để chuyển từ xuất nhập khẩu theo thương vụ sang cùng tạo giá trị? Đóng góp của nghiên cứu là kết nối dữ liệu hải quan mới nhất với phân tích thể chế và chuỗi giá trị, từ đó đề xuất mô hình “trung tâm - hành lang - chuỗi giá trị” có thể đo lường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp phân tích định tính, thống kê mô tả và đối chiếu nguồn. Dữ liệu thương mại lấy từ các bảng xuất khẩu và nhập khẩu theo nước, vùng lãnh thổ, mặt hàng chủ yếu của Cục Hải quan cho năm 2025 (Cục Hải quan, 2026a, 2026b). Tác giả cộng hai chiều, quy đổi sang triệu USD và làm tròn một chữ số thập phân đối với các thị trường được công bố riêng cả xuất khẩu và nhập khẩu. Do bảng “mặt hàng chủ yếu” không liệt kê toàn bộ quốc gia châu Phi thành một nhóm thống nhất, nghiên cứu không cộng các dòng được chọn thành tổng kim ngạch Việt Nam - châu Phi hoặc dùng để xếp hạng toàn lục địa.

Nguồn bối cảnh gồm báo cáo của các tổ chức khu vực, quốc tế và cơ quan Việt Nam. Nghiên cứu áp dụng nguyên tắc “quan sát chính thức mới nhất có thể so sánh”, dữ liệu được khóa ngày 31/5/2026.

Phân tích lần lượt nhận diện quy mô, cán cân, mức tập trung; đối chiếu thương mại với đầu tư, nông nghiệp, dịch vụ số, tài chính, logistics; sau đó giải thích khoảng cách hiệu quả bằng khung thể chế và chuỗi giá trị. Nghiên cứu chưa sử dụng dữ liệu cấp doanh nghiệp. Kết luận định lượng vì thế mang tính mô tả có kiểm chứng.

3. Bối cảnh mới và nền tảng của hợp tác Việt Nam - châu Phi

3.1. AfCFTA và sự tái cấu trúc không gian kinh tế châu Phi

AfCFTA chuyển một tập hợp thị trường quốc gia thành tiến trình hội nhập lục địa. Giá trị của hiệp định không chỉ ở việc giảm thuế mà còn định hình cách doanh nghiệp tổ chức chuỗi cung ứng. Theo UNECA, tổng kim ngạch xuất khẩu của châu Phi năm 2024 đạt 630 tỷ USD, trong khi xuất khẩu nội khối đạt 106 tỷ USD (UNECA, 2026). Tỷ trọng nội khối còn thấp nhưng cho thấy dư địa của sản xuất, phân phối khu vực.

Đến tháng 7/2025 còn 5 quốc gia ký kết chưa phê chuẩn AfCFTA (African Union, 2025). Muốn hưởng ưu đãi khi tái xuất nội khối, sản phẩm phải đáp ứng quy tắc xuất xứ và yêu cầu thị trường đích. Điều đó tăng giá trị của đầu tư chế biến đủ sâu tại một thành viên AfCFTA.

Hội nhập tạo ra các “điểm nối”. Ai Cập và Morocco có lợi thế ở Bắc Phi; Nam Phi có nền tảng công nghiệp, tài chính, logistics; Kenya và Tanzania là cửa ngõ Đông Phi; Nigeria, Ghana và Côte d’Ivoire là đầu mối Tây Phi. Những điểm nối không thay thế nghiên cứu từng nước, nhưng cho phép Việt Nam tổ chức nguồn lực theo cụm và cung cấp thông tin, pháp lý, kho vận, bảo hành, tài chính cho các hành lang lân cận.

IMF dự báo châu Phi Nam Sahara tăng 4,3%, nhưng cảnh báo chi phí nhiên liệu, phân bón, vận tải, điều kiện tài chính và áp lực tỷ giá có thể ảnh hưởng đầu tư, thanh toán (IMF, 2026). Chiến lược vì thế phải phân loại thị trường theo rủi ro ngoại hối, nợ công, chính sách nhập khẩu và năng lực ngân hàng.

3.2. Nền tảng chính trị, thể chế và kinh nghiệm hợp tác

Quan hệ Việt Nam - châu Phi có độ phủ ngoại giao rộng. Việc hoàn tất quan hệ với toàn bộ các quốc gia châu Phi (Nhân dân, 2024), tăng cường kết nối với Liên minh châu Phi và nâng cấp các quan hệ chủ chốt năm 2025 tạo điều kiện để ngoại giao kinh tế đi từ xúc tiến sự kiện sang xử lý tiếp cận thị trường, tiêu chuẩn, đầu tư và bảo hộ doanh nghiệp (Báo Chính phủ, 2025).

“Đề án Phát triển quan hệ giữa Việt Nam và các nước Trung Đông - châu Phi giai đoạn 2016-2025” (Thế giới & Việt Nam, 2025) từng tạo khung phối hợp cho trao đổi đoàn và xúc tiến. Từ năm 2026, Việt Nam cần chiến lược kế tiếp có mục tiêu lượng hóa, đầu mối và cơ chế theo dõi, phù hợp với AfCFTA, thương mại số, xanh hóa và cạnh tranh về khoáng sản.

Kinh nghiệm nông nghiệp giữa Việt Nam và các nước châu Phi hay hoạt động của Viettel tại Burundi, Mozambique (Thu Hằng, 2025) cho thấy, doanh nghiệp Việt Nam có thể vận hành hạ tầng, bản địa hóa thương hiệu và phát triển nhân lực tại thị trường khó. Bài học chính là đầu tư dài hạn và bản địa hóa.

Nền tảng chính trị chỉ trở thành lợi thế kinh tế khi được chuyển thành công nhận tiêu chuẩn, xử lý tranh chấp, dữ liệu đối tác, bảo hộ đầu tư, kết nối ngân hàng, thị thực chuyên gia và dự án có bên chịu trách nhiệm.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thương mại đã mở rộng nhưng khác biệt lớn giữa quy mô và chiều sâu

Số liệu năm 2025 cho thấy, một số quan hệ thị trường đã vượt khỏi quy mô thăm dò. Trong nhóm quốc gia được Cục Hải quan công bố riêng cả 2 chiều, tổng thương mại với Côte d’Ivoire đạt gần 2 tỷ USD; Nam Phi đạt hơn 1,32 tỷ USD; Nigeria và Ghana đều vượt 1 tỷ USD.

Bảng 1. Thương mại hàng hóa của Việt Nam với một số thị trường châu Phi năm 2025*Đơn vị: triệu USD. Cán cân được tính bằng xuất khẩu của Việt Nam trừ nhập khẩu.*

Thị trường	Giá trị xuất khẩu	Giá trị nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Cán cân
Côte d'Ivoire	698,7	1.284,9	1.983,6	-586,2
Nam Phi	844,7	477,6	1.322,3	367,1
Nigeria	175,6	918,5	1.094,1	-742,9
Ghana	638	362,2	1.000,2	275,8
Tanzania	79,1	317,7	396,8	-238,6

Nguồn: Tác giả tính toán từ Cục Hải quan (2026a, 2026b).

Quy mô nói trên cần được đọc cùng cơ cấu mặt hàng. Năm 2025, gạo chiếm 68,5% xuất khẩu của Việt Nam sang Côte d'Ivoire và 80,6% xuất khẩu sang Ghana. Ở chiều nhập khẩu, hạt điều chiếm 88,4% kim ngạch từ Côte d'Ivoire, 95,5% từ Ghana và 94% từ Tanzania. Cấu trúc này phản ánh tính bổ sung rõ rệt và vai trò của Việt Nam trong chế biến nguyên liệu nông sản, nhưng đồng thời làm kim ngạch dễ biến động theo mùa vụ, giá hàng hóa, chính sách lương thực và năng lực của một số ít doanh nghiệp đầu mối.

Nam Phi cho thấy một cấu trúc khác. Trong 844,7 triệu USD xuất khẩu năm 2025, điện thoại và linh kiện đạt 320,9 triệu USD, tương đương 38%; giày dép đạt 121,3 triệu USD; máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt gần 84 triệu USD. Cơ cấu này đa dạng và có hàm lượng chế tạo cao hơn các hành lang chủ yếu dựa vào nông sản, cho thấy nâng chất lượng hợp tác không đồng nghĩa từ bỏ hàng hóa truyền thống, mà là sử dụng các mặt hàng đã có chỗ đứng để mở kênh phân phối cho sản phẩm chế biến, thiết bị, dịch vụ và đầu tư.

Số liệu thương mại năm 2025 tiếp tục bộc lộ mức độ tập trung. Việt Nam nhập từ Nigeria 458,3 triệu USD dầu thô và 416,3 triệu USD hạt điều; từ Tanzania 298,6 triệu USD hạt điều; từ Côte d'Ivoire 1.135,3 triệu USD hạt điều. Những dòng hàng này có ý nghĩa đối với an ninh nguyên liệu của Việt Nam, nhưng giá trị gia tăng chủ yếu được tạo ra sau khi nguyên liệu rời châu Phi. Nếu hợp tác dừng ở mô hình xuất lương thực và nhập nguyên liệu, hai bên có thể tăng kim ngạch mà chưa hình thành năng lực sản xuất chung. Đây là biểu hiện rõ nhất của khoảng cách giữa hiệu quả giao dịch và hiệu quả phát triển.

4.2. Đầu tư, dịch vụ và hợp tác phát triển chưa tạo thành hệ sinh thái

Tính đến tháng 7/2025, Việt Nam có bốn dự án tại Nam Phi với tổng vốn đăng ký 8,86 triệu USD, trong khi Nam Phi có 20 dự án còn hiệu lực tại Việt Nam với 0,88 triệu USD (Báo Nhân dân, 2025). Quy mô này rất nhỏ so với thương mại gần 1,8 tỷ USD năm 2024 giữa hai nước. Khoảng cách lớn giữa dòng hàng và vốn đầu tư cho thấy doanh nghiệp chủ yếu tiếp cận thị trường thông qua mua bán, chưa chuyển mạnh sang sản xuất, chế biến, kho vận hoặc dịch vụ tại chỗ.

Hai ngoại lệ tương đối thành công là hợp tác nông nghiệp và viễn thông. Tuy nhiên, các dự án vẫn đứng cạnh nhau hơn là tạo thành một hệ sinh thái Việt Nam tại châu Phi. Chuyên gia nông nghiệp, doanh nghiệp viễn thông, thương vụ, ngân hàng, hãng logistics và nhà sản xuất hàng tiêu dùng chưa được kết nối bằng

một chương trình thị trường thống nhất. Doanh nghiệp tiên phong vì vậy phải tự xây dựng phần lớn năng lực thông tin, quan hệ chính quyền, đào tạo và quản trị rủi ro. Chi phí gia nhập thị trường cao làm giảm khả năng đi theo của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy “khoảng cách hiệu quả” gồm 3 lớp. Lớp thứ nhất là tập trung mặt hàng, khiến tăng trưởng phụ thuộc vào một số hàng hóa. Lớp thứ hai là hiện diện mỏng, thể hiện ở đầu tư, kho vận, phân phối và dịch vụ hậu mãi hạn chế. Lớp thứ ba là liên kết giá trị thấp, khi chế biến sâu, công nghệ, tiêu chuẩn và kỹ năng chưa được tổ chức thành quan hệ sản xuất chung. Chính sách muốn tạo hiệu quả thực chất phải xử lý đồng thời cả 3 lớp; chỉ đặt mục tiêu tăng kim ngạch sẽ chưa đủ.

5. Khung chính sách hướng tới hiệu quả thực chất giai đoạn 2026-2035

5.1. Chuyển từ tiếp cận dần trải sang mô hình “trung tâm - hành lang - chuỗi giá trị”

Việt Nam cần xây dựng Chiến lược hợp tác kinh tế với châu Phi giai đoạn 2026-2035 thay cho chu kỳ đề án đã kết thúc, trong đó cần phân tầng thị trường theo quy mô, chức năng cửa ngõ, mức phù hợp ngành hàng và điều kiện thực thi. “Trung tâm” là nơi tập trung năng lực ngoại giao kinh tế, pháp lý, ngân hàng, kho vận và dịch vụ doanh nghiệp. “Hành lang” là nhóm thị trường có thể được phục vụ từ trung tâm nhờ liên kết giao thông và thể chế khu vực. “Chuỗi giá trị” là một số ngành mà doanh nghiệp Việt Nam có khả năng đầu tư, chuyển giao và tạo giá trị tại chỗ. Bảng 2 minh họa hướng ưu tiên; đây là khung sàng lọc, không phải danh sách đóng.

Bảng 2. Khung trung tâm, hành lang và chuỗi giá trị gợi ý

Trung tâm gợi ý	Hành lang tiếp cận	Chuỗi giá trị ưu tiên	Công cụ triển khai chính
Nam Phi	SACU và SADC	Điện tử, thiết bị, năng lượng, chế biến khoáng sản	FTA Việt Nam-SACU, trung tâm bảo hành, kho khu vực
Ai Cập, Morocco	Bắc Phi, Tây Phi và kết nối châu Âu	Thực phẩm, dệt may, linh kiện, logistics	Công nhận tiêu chuẩn, đối tác phân phối, sản xuất xuất khẩu
Nigeria, Ghana, Côte d'Ivoire	ECOWAS	Gạo, điều, thực phẩm chế biến, số hóa, hàng tiêu dùng	Tài chính thương mại, chế biến nông sản, kho ngoại quan
Kenya, Tanzania	EAC và Đông Phi	Nông nghiệp, dược phẩm, viễn thông, máy móc	Dự án trình diễn, đào tạo kỹ thuật, mạng lưới dịch vụ

Nguồn: Đề xuất của tác giả trên cơ sở khung phân tích và dữ liệu nghiên cứu.

Việc lựa chọn trung tâm phải được cập nhật bằng bộ tiêu chí công khai, gồm dung lượng thị trường, ổn định vĩ mô, kết nối cảng, mức độ thực thi AfCFTA, bảo hộ đầu tư, khả năng chuyển đổi ngoại tệ và sự hiện diện của đối tác đáng tin cậy. Cách làm này tránh hai cực đoạn là phân tán nguồn lực trên toàn lục địa hoặc phụ thuộc quá mức vào một thị trường. Trong ngắn hạn, Việt Nam cần thúc đẩy khả năng khởi động đàm phán FTA với Liên minh Thuế quan miền Nam châu Phi (SACU) như đã đề nghị năm 2025, đồng thời nghiên cứu khả thi về khuôn khổ hợp tác ASEAN - AfCFTA trong dài hạn (Hải Minh, 2025).

5.2. Xây dựng hạ tầng giảm rủi ro cho giao dịch

Trụ cột cấp thiết là một cơ chế tài chính thương mại Việt Nam - châu Phi. Ngân hàng thương mại, tổ chức bảo hiểm tín dụng xuất khẩu và quỹ bảo lãnh cần thiết kế hạn mức theo quốc gia, ngành và đối tác; ưu tiên thư tín dụng được xác nhận, bảo lãnh thanh toán, bao thanh toán có truy đòi và tài khoản ký quỹ đối với giao dịch mới. Một công dữ liệu liên ngành nên tích hợp thông tin doanh nghiệp, tranh chấp, cảnh báo của thương vụ, tình trạng pháp lý và lịch sử thanh toán, với quy trình bảo vệ dữ liệu phù hợp.

Song song, Việt Nam cần thiết lập quan hệ làm việc với Afreximbank, AfDB, PAPSS và các ngân hàng đầu mối tại từng trung tâm. Mục tiêu trước mắt là giảm số tầng ngân hàng đại lý, rút ngắn xác nhận và mở rộng khả năng bảo lãnh. Các thí điểm nên bắt đầu bằng giao dịch có hợp đồng đầu ra rõ, chứng từ số và đối tác được thẩm tra. Về logistics, chính sách nên hỗ trợ doanh nghiệp cùng sử dụng kho, trung tâm gom hàng, kiểm định và bảo hành tại một số cảng cửa ngõ. Hợp đồng vận tải dài hạn và nền tảng dự báo nhu cầu có giá trị thực tế hơn trợ cấp rời rạc cho từng chuyến hàng.

5.3. Dịch chuyển từ trao đổi hàng hóa sang đầu tư chuỗi giá trị

Trong nông nghiệp, mô hình ưu tiên là “sản xuất - chế biến - thị trường”. Doanh nghiệp Việt Nam có thể liên doanh về giống, tưới tiết kiệm, máy nông nghiệp, nhà máy xay xát, chế biến và kho lạnh; phía châu Phi đóng góp đất đai theo pháp luật sở tại, nguyên liệu, lao động và hiểu biết thị trường. Hợp tác kỹ thuật cần gắn với hợp đồng tiêu thụ, tiêu chuẩn truy xuất và đào tạo quản trị. Cách này vừa hỗ trợ an ninh lương thực châu Phi, vừa đa dạng hóa nguyên liệu cho Việt Nam và giữ lại nhiều giá trị hơn tại địa bàn.

Trong kinh tế số, thị trường đang mở rộng nhanh. GSMA ước tính công nghệ và dịch vụ di động đóng góp 220 tỷ USD, tương đương 7,7% GDP châu Phi năm 2024 và có thể tăng lên 270 tỷ USD năm 2030 (GSMA, 2025). Kinh nghiệm của Viettel cho thấy, cơ hội tiếp theo không chỉ là viễn thông, mà còn gồm chính phủ số, định danh, thanh toán, giáo dục, y tế và an ninh mạng.

Trong năng lượng và khoáng sản, hợp tác cần tránh tái tạo mô hình khai thác thô. Châu Phi có vị trí quan trọng trong nhiều chuỗi cung ứng, nhưng chính sách của các nước sở tại ngày càng nhấn mạnh chế biến và lợi ích địa phương (AfDB, 2025). Doanh nghiệp Việt Nam chỉ nên tham gia dự án có truy xuất nguồn gốc, đánh giá môi trường - xã hội, chia sẻ giá trị và kế hoạch chế biến khả thi. Năng lực của Việt Nam về thiết bị điện, vật liệu, cơ khí, năng lượng tái tạo và đào tạo kỹ thuật có thể tạo một gói hợp tác cân bằng hơn việc chỉ mua quặng.

Dược phẩm, thiết bị y tế, dệt may, da giày, hàng gia dụng và thực phẩm chế biến là nhóm có thể mở rộng nhờ dân số trẻ và đô thị hóa. Tuy nhiên, chiến lược cần đi từ nhu cầu cụ thể của từng phân khúc giá, tiêu chuẩn và kênh phân phối. Nhà máy đóng gói, phối trộn, lắp ráp hoặc sản xuất theo hợp đồng tại trung tâm khu vực có thể đáp ứng quy tắc xuất xứ và giảm chi phí vận tải, nhưng chỉ nên được quyết định sau khi có đơn hàng nền, đối tác phân phối và đánh giá ngoại hối.

5.4. Thiết lập cơ chế thực thi và đo lường kết quả

Chiến lược 2026-2035 cần một ban điều phối liên ngành có đầu mối thường trực, cùng hội đồng doanh nghiệp Việt Nam - châu Phi theo từng hành lang. Mỗi năm phải công bố bảng theo dõi gồm kim ngạch, độ tập trung mặt hàng, số doanh nghiệp xuất khẩu thường xuyên, giá trị đầu tư đang hoạt động, tỷ lệ dự án có chế biến tại chỗ, số việc làm và nhân lực được đào tạo, thời gian thanh toán, tranh chấp phát sinh và tỷ lệ biên bản ghi nhớ chuyển thành hợp đồng. Những chỉ số này giúp chuyển trọng tâm từ “bao nhiêu sự kiện đã tổ chức” sang “bao nhiêu năng lực kinh tế đã hình thành”.

Lộ trình nên chia 3 giai đoạn. Giai đoạn 2026-2028 tập trung xây dữ liệu, chọn trung tâm, chuẩn hóa quy trình thẩm tra, hình thành công cụ bảo hiểm và triển khai dự án mẫu. Giai đoạn 2029-2032 mở rộng kho vận, liên doanh chế biến và mạng lưới phân phối giữa các hành lang. Giai đoạn 2033-2035 đánh giá hiệu quả, điều chỉnh trung tâm và thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị AfCFTA. Tính kỷ luật của đánh giá giữa kỳ quan trọng không kém tham vọng ban đầu.

6. Kết luận

Hợp tác kinh tế Việt Nam - châu Phi đã có nền tảng chính trị rộng, sự bổ sung thương mại rõ và những trường hợp doanh nghiệp, nông nghiệp thành công. Dữ liệu năm 2025 cho thấy, một số thị trường đã đạt quy mô hàng trăm triệu đến hơn 1 tỷ USD. Tuy nhiên, kết quả cũng bộc lộ sự tập trung rất cao vào một số mặt hàng và độ chênh lớn giữa thương mại với đầu tư. Tiềm năng vì thế không còn là điều cần chứng minh; vấn đề là xây dựng thể chế và năng lực để biến tiềm năng thành quan hệ sản xuất có sức chống chịu.

AfCFTA mở rộng không gian nhưng không làm mất đi khác biệt quốc gia. Chiến lược phù hợp phải vừa nhìn châu Phi như một tiến trình hội nhập, vừa hành động theo từng trung tâm và hành lang. Khung “trung tâm - hành lang - chuỗi giá trị” đề xuất trong bài giúp tập trung nguồn lực vào nơi có thể cung cấp dịch vụ thị trường, kết nối khu vực và hình thành sản xuất chung. Cùng với đó, bảo hiểm tín dụng, thanh toán có bảo đảm, dữ liệu đối tác, kho vận, tiêu chuẩn và đào tạo nhân lực là hạ tầng không thể thiếu.

Tuy nhiên, do hạn chế về dữ liệu, kết quả nghiên cứu chỉ xem xét một số thị trường nhất định, làm giảm tính đại diện và khả năng khái quát với cả châu lục. Bên cạnh đó, khung đề xuất chưa được thử nghiệm trong thực tiễn, đòi hỏi cần có thêm các nghiên cứu thực chứng để củng cố độ tin cậy.

Hiệu quả thực chất cần được đo bằng mức đa dạng hóa, đầu tư hoạt động, giá trị gia tăng tại chỗ, năng lực doanh nghiệp và khả năng thực hiện hợp đồng, thay vì chỉ bằng tốc độ tăng kim ngạch hoặc số lượng thỏa thuận. Nếu Việt Nam kết hợp được ngoại giao chính trị với ngoại giao triển khai, còn các đối tác châu Phi gần mở cửa thị trường với cải thiện thể chế và phát triển nhà cung ứng, quan hệ hai bên có thể chuyển từ mua bán bổ sung sang đối tác phát triển dài hạn. Đó cũng là cách để tinh thần hợp tác Nam - Nam tạo ra lợi ích có thể kiểm chứng cho doanh nghiệp, người lao động và nền kinh tế của cả hai phía ■

Lời cảm ơn:

Bài viết là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2026 “Nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và một số đối tác trọng điểm của khu vực Trung Đông - Châu Phi đến 2030 và tầm nhìn 2035”. Mã nhiệm vụ: BNG/NV/2026-17.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Hải Minh. (2025). Việt Nam đề nghị Nam Phi ủng hộ thúc đẩy đàm phán FTA với Liên minh Thuế quan miền Nam châu Phi. Báo điện tử Chính phủ, truy cập tại <https://baochinhphu.vn/viet-nam-de-nghi-nam-phi-ung-ho-thuc-day-dam-phan-fta-voi-lien-minh-thue-quan-mien-nam-chau-phi-102251022185244401.htm>

Chinhphu.vn. (2025). Bộ trưởng Lê Hoài Trung trả lời phỏng vấn về chuyến thăm chính thức Algeria và Kuwait, hoạt động song phương tại Nam Phi của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính. Báo Chính phủ, truy cập tại <https://baochinhphu.vn/bo-truong-le-hoai-trung-tra-loi-phong-van-ve-chuyen-tham-chinh-thuc-algeria-va-kuwait-hoat-dong-song-phuong-tai-nam-phi-cua-thu-tuong-chinh-phu-pham-minh-chinh-102251124134450356.htm>

- Thu Hằng (2025). Ba dấu mốc trên 2 lục địa: Hành trình Viettel lan tỏa giá trị Việt Nam. Báo Chính phủ <https://baochinhphu.vn/ba-dau-moc-tren-2-luc-dia-hanh-trinh-viettel-lan-toa-gia-tri-viet-nam-102251222061336656.htm>
- Cục Hải quan. (2026a). Xuất khẩu hàng hóa theo nước, vùng lãnh thổ và mặt hàng chủ yếu tháng 12 năm 2025. https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2026/1/7/2025-t12-5x%28vn-sb%29.pdf
- Cục Hải quan. (2026b). Nhập khẩu hàng hóa theo nước, vùng lãnh thổ và mặt hàng chủ yếu tháng 12 năm 2025. https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2026/1/7/2025-t12-5n%28vn-sb%29.pdf
- TTX. (2024). Malawi đặt nhiều kỳ vọng vào quan hệ với Việt Nam sau cột mốc lịch sử. Báo Nhân dân, truy cập <https://nhandan.vn/malawi-dat-nhieu-ky-vong-vao-quan-he-voi-viet-nam-sau-cot-moc-lich-su-post833413.html>
- Thanh Vân. (2025). Đưa quan hệ Việt Nam - Nam Phi bước vào giai đoạn mới. Báo Nhân dân, truy cập tại <https://nhandan.vn/dua-quan-he-viet-nam-nam-phi-buoc-vao-giai-doan-moi-post917317.html>
- Thành Long. (2025). Đưa quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước Trung Đông-châu Phi sâu sắc và toàn diện hơn. Thế giới & Việt Nam, truy cập tại <https://baoquocte.vn/dua-quan-he-ngoai-giao-giua-viet-nam-va-cac-nuoc-trung-dong-chau-phi-sau-sac-va-toan-dien-hon-314978.html>
- African Development Bank. (2025). Critical minerals for Africa's inclusive growth and development. <https://www.afdb.org/en/documents/critical-minerals-africas-inclusive-growth-and-development>
- African Development Bank. (2026). African economic outlook 2026. https://vcda.afdb.org/system/files/report/afdb26-04_aeo_complete_english_0525.pdf
- African Union. (2025). Progress report on the implementation of the African Continental Free Trade Area (AfCFTA) to the Executive Council: Report of the Secretary-General (EX.CL/1625[XLVII]). https://archives.au.int/bitstream/handle/123456789/11189/EX%20CL%201625%20%28XLVII%29_E.pdf
- GSMA. (2025). The mobile economy Africa 2025. <https://www.gsma.com/solutions-and-impact/connectivity-for-good/mobile-economy/africa-2025/>
- International Monetary Fund. (2026). Regional economic outlook for Sub-Saharan Africa, April 2026: Hard-won gains under pressure. <https://www.imf.org/en/publications/reo/ssa/issues/2026/04/16/regional-economic-outlook-for-sub-saharan-africa-april-2026>
- UNECA. (2025). Demographic dividend and migration in Africa: Challenges and policy options (Policy Brief No. ECA/25/003). <https://knowledgehub-sro-na.uneca.org/wp-content/uploads/2025/06/Policy-brief-on-Demographic-dividend-and-migration-in-Africa-challenges-and-policy-options-En.pdf>
- UNECA. (2026). Growth through innovation: harnessing data and frontier technologies for Africa's economic transformation. <https://repository.uneca.org/server/api/core/bitstreams/704273d8-6874-48f2-91a3-c955d90362e2/content>